

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2022/DS-ST

Ngày: 19/ 9/ 2022

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đức Bản

Ông Nguyễn Quốc Phú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Long – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A); địa chỉ trụ sở chính: Số 442, đường Nguyễn Thị Minh K, phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ - Giám đốc Phòng Quản lý nợ; Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Ngọc T - Nhân viên; Địa chỉ: Số 257, đường Trần Hưng Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; Bà Nguyễn Ngọc T có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ C; Sinh năm: 1949 và bà Đinh Thị L; Sinh năm: 1960; Cùng thường trú tại: Tổ dân phố 02, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ cần báo: Số 10, ngõ 181 đường Lý Thái T, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông Võ C và bà Đinh Thị L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A) trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

1. A cấp tín dụng cho ông Võ C và bà Đinh Thị L căn cứ theo:

- a) Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **QBI.CN.05.070815** ngày 07/8/2015;
 b) Hợp đồng cấp tín dụng số **QBI.CN.07.070815** ngày 07/8/2015.

Chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.
- Mục đích cho vay : Tiêu dùng – Sửa chữa, xây dựng nhà – Sửa chữa nhà ở: mái hiên, nhà bếp, cổng, mái...
- Phương thức cho vay : Cho vay từng lần.
- Thời hạn giải ngân : 180 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (07/8/2015)
- Thời hạn cho vay : 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.
- Lãi suất trong hạn : Được quy định trong Khế ước nhận nợ.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Võ C và bà Đinh Thị L bằng Khế ước nhận nợ như sau:

T T	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số :01 STK: 2018663 39	Ngày 07/8/201 5	170.000.0 00 đồng	Nhận tiền mặt: 170.000.00 0 đồng	Từ ngày 07/8/201 5 đến ngày 07/8/202 5	(1). Lãi suất: 9,0%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên. (2). Lãi suất sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,9%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

2. A cấp tín dụng cho ông Võ C và bà Đinh Thị L căn cứ theo:

- a) Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **QBI.CN.05.070815** ngày 07/8/2015;
 b) Hợp đồng cấp tín dụng số **QBI.CN.03.280116** ngày 29/01/2016.

Chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.
- Mục đích cho vay : Tiêu dùng – Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình – Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị nhà ở
- Phương thức cho vay : Cho vay từng lần.
- Thời hạn giải ngân : 180 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (29/01/2016)

- Thời hạn cho vay : 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.
- Lãi suất trong hạn : Được quy định trong Khế ước nhận nợ.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Võ C và bà Đinh Thị L bằng Khế ước nhận nợ như sau:

T T	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số :01 STK: 2106957 69	Ngày 29/01/20 16	100.000.0 00 đồng	Nhận tiền mặt: 100.000.00 0 đồng	Từ ngày 29/01/20 16 đến ngày 29/01/20 26	(1). Lãi suất: 9,0%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên. (2). Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,9%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

3. A cấp tín dụng cho ông Võ C và bà Đinh Thị L căn cứ theo:

- a) Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **QBI.CN.05.070815** ngày 07/8/2015;
- b) Hợp đồng cấp tín dụng số **QBI.CN.438.101016** ngày 10/10/2016.

Chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng.
- Mục đích cho vay : Tiêu dùng – Sửa chữa, xây dựng nhà – Sửa chữa, cải tạo mới nhà ở gia đình
- Phương thức cho vay : Cho vay từng lần.
- Thời hạn giải ngân : 6 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng (10/10/2016)
- Thời hạn cho vay : 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.
- Lãi suất trong hạn : Được quy định trong Khế ước nhận nợ.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Võ C và bà Đinh Thị L bằng Khế ước nhận nợ như sau:

T T	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số :01 STK: 2248350 89	Ngày 10/10/20 16	240.000.0 00 đồng	Nhận tiền mặt: 240.000.00 0 đồng	Từ ngày 10/10/20 16 đến ngày 10/10/20 26	(1). Lãi suất: 10,0%/năm, có định trong 12 tháng đầu tiên. (2). Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,9%/năm (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

4. A cấp tín dụng cho ông Võ C và bà Đinh Thị L căn cứ theo:

- a) Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **QBI.CN.148.071117** ngày 07/11/2017;
- b) Hợp đồng cấp tín dụng số **QBI.CN.151.071117** ngày 07/11/2017.

Chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay : 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.
- Mục đích cho vay : Tiêu dùng – Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình –
Mua sắm vật dụng gia đình: Bàn ghế phòng khách, bộ
phản, bình gốm, tủ bếp...
- Phương thức cho vay : Cho vay từng lần.
- Thời hạn giải ngân : 6 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng
(07/11/2017)
- Thời hạn cho vay : 84 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng
nhận tiền vay lần đầu.
- Lãi suất trong hạn : Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
- Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.
- Lãi suất phạt chậm trả : 10%/năm.

lãi

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, A đã
giải ngân cho ông Võ C và bà Đinh Thị L bằng Khế ước nhận nợ như sau:

T T	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số :01 STK: 2494090 29	Ngày 07/11/20 17	80.000.00 0 đồng	Nhận tiền mặt: 80.000.00 0 đồng	Từ ngày 08/11/20 17 đến ngày 07/11/20 24	<p>(1). Lãi suất: 9,5%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên.</p> <p>(2). Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,9%/năm + X</p> <p>(3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.</p> <p>(4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.</p>

5. A cấp thẻ tín dụng cho ông Võ C căn cứ theo:

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Võ C ngày 14/5/2019.
- Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.
- Các văn bản khác của ông Võ C ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

- Số thẻ tín : **9704 xxxx xxxx 2091**
dụng
- Ngày cấp : 16/5/2019
- Loại thẻ : Express Credit (Thẻ tín dụng nội địa)
- Hạn mức thẻ : 70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng
- Hiệu lực thẻ : Tháng 05/2021
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

6. A cấp thẻ tín dụng cho bà Đinh Thị L căn cứ theo:

- Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Đinh Thị L ngày 07/11/2017.
- Thư yêu cầu dành cho chủ thẻ A ngày 20/11/2018.
- Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.
- Các văn bản khác của bà Đinh Thị L ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

- Số thẻ tín : **3567 xxxx xxxx 0715 (Số cũ: 3567 xxxx xxxx 9493)**
dụng
- Ngày cấp : 21/11/2018 (Cấp lần đầu ngày 07/11/2017)
- Loại thẻ : JCB Standard (Thẻ tín dụng quốc tế)
- Hạn mức thẻ : 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng
- Hiệu lực thẻ : Tháng 11/2020

- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

7. A cấp thẻ tín dụng cho bà Đinh Thị L căn cứ theo:

- a) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Đinh Thị L ngày 08/10/2018.
- b) Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.
- c) Các văn bản khác của bà Đinh Thị L ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng : **9704 xxxx xxxx 9726**

- Ngày cấp : 09/10/2018

- Loại thẻ : Express Credit (Thẻ tín dụng nội địa).

- Hạn mức thẻ : 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng

- Hiệu lực thẻ : Tháng 10/2020

- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau: Thẻ chấp quyền thừa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QBI.BĐCN.05.230614 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 24/6/2014, số công chứng 194; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 24/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QBI.BĐCN.05.230614/SĐBS-01 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 07/8/2015, số công chứng 1937; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.05.230614/SĐBS-02 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 10/10/2016, số công chứng 3979; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.05.230614/SĐBS-03 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 14/5/2019, số công chứng 2166; Cam kết thế chấp tài sản ngày 24/6/2014; Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất số B 973333, số vào sổ cấp GCN: 03672 QSDĐ/77QĐ-UB do UBND thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/5/1993.

Sự kiện vi phạm và dư nợ:

Ngày 26/11/2021, A đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán do ông Võ C và bà Đinh Thị L đã vi phạm hợp đồng cấp tín dụng về nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 10/8/2021, A đã chuyển toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán số 9704 xxxx xxxx 2091 của ông Võ C sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 26/11/2021, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ

do trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Võ C đã không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng.

Ngày 10/8/2021 và ngày 20/9/2021, A đã lần lượt chuyển toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán số 9704 xxxx xxxx 9726 và số 3567 xxxx xxxx 0715 của bà Đinh Thị L sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 26/11/2021, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ do trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà Đinh Thị L đã không thanh toán đầy đủ cho A theo Thông báo giao dịch hàng tháng.

Tính đến ngày 30/11/2021, ông Võ C và bà Đinh Thị L còn nợ A các khoản sau:

TT	KUNN/ Thẻ tín dụng	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Tổng cộng
1	201866339	96.260.000	6.465.998	165.861	276.586	103.168.445
2	210695769	61.684.000	4.127.002	97.563	143.052	66.051.617
3	224835089	179.158.000	11.958.299	163.070	0	191.279.369
4	249409029	39.974.000	2.641.131	95.002	66.796	42.776.929
5	9704 xxxx xxxx 2091	75.375.020	0	6.544.134	0	81.919.154
6	3567 xxxx xxxx 0715	20.831.816	0	1.398.022	0	22.229.838
7	9704 xxxx xxxx 9726	42.669.123	0	2.928.917	0	45.598.040
Tổng cộng		515.951.959	25.192.430	11.392.569	486.434	553.023.392

Vì vậy, để thu hồi nợ vay Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Võ C và bà Đinh Thị L trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 30/11/2021 là **553.023.392 đồng**, trong đó: vốn gốc 515.951.959 đồng, lãi trong hạn 25.192.430 đồng, lãi quá hạn 11.392.569 đồng, phạt chậm trả lãi 486.434 đồng.

Ông Võ C và bà Đinh Thị L còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, tính kể từ ngày 01/12/2021 đến ngày trả hết nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Nếu ông Võ C và bà Đinh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L.

*Ý kiến bị đơn ông C tại bản tự khai và phiên hoà giải ngày 12/8/2022: Vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ ngân hàng A số tiền như Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã nêu. Chúng tôi đã thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bảo đảm khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 327 tờ bản đồ số 01 địa chỉ phường Đồng S thành phố Đồng H thuộc quyền sử dụng của vợ chồng tôi. Chúng tôi cam kết

trả nợ cho ngân hàng sớm nhất có thể vì điều kiện đang gặp khó khăn nên chưa trả dứt nợ cho ngân hàng, mục đích vay số tiền trên để tiêu dùng sửa chữa tôn tạo nương vườn gia đình. Thực tế vợ chồng tôi đã chuyển trả một phần cho ngân hàng là 51.000.000 đồng kể từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án. Chúng tôi cam kết trả nợ cho A, trường hợp chúng tôi không thực hiện trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên. Tôi cũng đề nghị ngân hàng giảm lãi và gia hạn trả nợ để vợ chồng tôi có điều kiện trả nợ dần. Trong khoảng thời gian tháng 12/2022 vợ chồng tôi thu xếp trả hết nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Nguyên đơn thừa nhận kể từ ngày 30/11/2021 đến ngày 19/9/2022 tổng số tiền khách hàng ông Võ C và bà Đinh Thị L đã thanh toán cho A là 347.508.000 đồng, trong đó:

- Khoản vay: Ngày 22/8/2022 khách hàng đã trả gốc 200.000.000 đồng
- Khoản thẻ:
 - + Ngày 02/07/2022 khách hàng thanh toán số tiền 51.300.000 đồng (số thẻ 970416*****9726)
 - + Ngày 22/08/2022 khách hàng thanh toán số tiền 20.832.000 đồng (số thẻ 356794*****0715)
 - + Ngày 22/08/2022 khách hàng thanh toán số tiền 75.376.000 đồng (số thẻ 970416*****2091)

Tính đến ngày 19/9/2022, ông Võ C và bà Đinh Thị L còn nợ A các khoản sau:

TT	KUNN/Thẻ tín dụng	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Tổng cộng
1	210695769	0	4.293.544	7.157.601	435.400	11.886.545
1	224835089	177.076.000	12.450.811	23.410.314	0	212.937.125
2	201866339	0	6.735.035	11.484.278	681.517	18.900.830
3	249409029	0	2.790.711	4.676.364	405.280	7.872.355
4	356794*****0715	0	0	6.690.347	0	6.690.347
5	970416*****2091	0	0	22.166.538	0	22.166.538
Tổng cộng		177.076.000	26.270.101	75.585.442	1.522.197	280.453.740

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn Ông Võ C và bà Đinh Thị L trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 19/9/2022 là **278.931.543 đồng**, trong đó: dư nợ gốc 177.076.000 đồng; lãi trong hạn: 26.270.101 đồng; lãi quá hạn: 75.585.442 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi số tiền 1.522.197 đồng; Ông Võ C và bà Đinh Thị L còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, tính kể từ ngày 20/09/2022 đến ngày trả hết nợ; Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn; Về chi phí thẩm định tại chỗ: đề nghị ông Võ C và bà Đinh Thị L hoàn trả lại số tiền là 5.000.000 đồng mà A đã nộp tạm ứng cho Tòa án; Nếu ông Võ C và bà Đinh Thị L không thực hiện hoặc thực

hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L.

Bị đơn - ông Võ C và bà Đinh Thị L cam kết trả nợ sớm nhất có thể cho A, trường hợp chúng tôi không thực hiện trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên, đề nghị ngân hàng giảm lãi và gia hạn trả nợ để vợ chồng bị đơn có điều kiện trả nợ dần.

Đối với ý kiến của bị đơn đề nghị ngân hàng giảm lãi và gia hạn trả nợ thì nguyên đơn không nhất trí vì thực tế bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn từ lâu nên đề nghị bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244, các Điều 116, 119, 317, 320, 323, 385, 398, 401, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện phạt chậm trả lãi của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả các khoản nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng A và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Về chi phí thẩm định tại chỗ: đề nghị buộc ông Võ C và bà Đinh Thị L hoàn trả lại số tiền là 5.000.000 đồng mà A đã nộp tạm ứng cho Tòa án; Nếu ông Võ C và bà Đinh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phạt chậm trả lãi số tiền 1.522.197 đồng của nguyên đơn.

Bị đơn - ông Võ C và bà Đinh Thị L thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (gọi A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A) yêu cầu Tòa án buộc ông Võ C và bà Đinh Thị L phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Võ C và bà

Đinh Thị L. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn ông Võ C và bà Đinh Thị L không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện ông Võ C và bà Đinh Thị L cư trú tại Tổ dân phố 2, phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình và hiện nay ông, bà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên và chưa cất chuyển hộ khẩu đi đâu. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện ... tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Ngày 26/11/2021 ông Võ C và bà Đinh Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó, ngày 11/02/2022 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ thì yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, tiến hành xem xét tại chỗ, thẩm định, định giá tài sản đồng thời tiến hành 02 phiên hòa giải nhưng các bên không đạt được sự thỏa thuận. Do đó vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Ngày 05/9/2022 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 19/9/2022, các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn ông Võ C và bà Đinh Thị L trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 19/9/2022 là **278.931.543 đồng**, trong đó: dư nợ gốc 177.076.000 đồng; lãi trong hạn: 26.270.101 đồng; lãi quá hạn: 75.585.442 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi số tiền 1.522.197 đồng; Ông Võ C và bà Đinh Thị L còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, tính kể từ ngày 20/09/2022 đến ngày trả hết nợ; Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn;

Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng tại Khế ước nhận nợ 201866339 ngày 07/8/2015; 210695769 ngày 29/01/2016; 224835089 ngày 10/10/2016; 249409029 ngày 07/11/2017; cùng Thẻ tín dụng số 9704 xxxx xxxx 2091 ngày cấp 16/5/2019; 3567 xxxx xxxx 0715 (Số cũ: 3567 xxxx xxxx 9493) ngày cấp 21/11/2018 (Cấp lần đầu ngày 07/11/2017); 9704 xxxx xxxx 9726 ngày cấp 09/10/2018 đã tuân theo đúng quy định của pháp

luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn - ông Võ C và bà Đinh Thị L đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 26/11/2021 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng, A đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán do bị đơn đã vi phạm hợp đồng cấp tín dụng về nghĩa vụ trả nợ; A đã lần lượt chuyển toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn đối với ông Võ C và bà Đinh Thị L và tiếp theo đó bị đơn đã vi phạm nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Tính đến hết ngày 19/9/2022 là 278.931.543 đồng, trong đó: dư nợ gốc 177.076.000 đồng; lãi trong hạn: 26.270.101 đồng; lãi quá hạn: 75.585.442 đồng.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bị đơn trả nợ và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày hết ngày 19/9/2022 là 278.931.543 đồng, trong đó: dư nợ gốc 177.076.000 đồng; lãi trong hạn: 26.270.101 đồng; lãi quá hạn: 75.585.442 đồng theo hợp đồng tín dụng tại Khế ước nhận nợ 201866339 ngày 07/8/2015; 210695769 ngày 29/01/2016; 224835089 ngày 10/10/2016; 249409029 ngày 07/11/2017; cùng Thẻ tín dụng số 9704 xxxx xxxx 2091 ngày cấp 16/5/2019; 3567 xxxx xxxx 0715 (Số cũ: 3567 xxxx xxxx 9493) ngày cấp 21/11/2018 (Cấp lần đầu ngày 07/11/2017); 9704 xxxx xxxx 9726 ngày cấp 09/10/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều có mặt làm bản tự khai cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận ký kết hợp đồng tín dụng với A đúng như nội dung Ngân hàng khởi kiện. Bị đơn thừa nhận số nợ trên và mục đích vay số tiền trên để tiêu dùng sửa chữa tôn tạo nương vườn gia đình. Do bị đơn đang làm ăn gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng giảm lãi, gia hạn trả nợ để bị đơn có điều kiện trả nợ dần từ nay đến cuối năm 2022 sẽ thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Đối với ý kiến của bị đơn đề nghị ngân hàng giảm lãi và gia hạn trả nợ thì nguyên đơn không nhất trí vì thực tế bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn từ lâu nên đề nghị bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa các bên đương sự đều có mặt đều thừa nhận số nợ, thừa nhận Hợp đồng cấp tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết giữa hai bên là đúng; do đó căn cứ vào hợp đồng, thẻ tín dụng nêu trên cùng sự thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở buộc ông Võ C và bà Đinh

Thị L có trách nhiệm phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, tính kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày trả hết nợ; Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn;

[2.3] Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện tại phiên toà đối với phần phạt chậm trả lãi số tiền 1.522.197 đồng của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Võ C và bà Đinh Thị L đã thế chấp quyền thừa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QBI.BĐCN.05.230614 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 24/6/2014, số công chứng 194; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 24/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QBI.BĐCN.05.230614/SĐBS-01 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 07/8/2015, số công chứng 1937; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.05.230614/SĐBS-02 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 10/10/2016, số công chứng 3979; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.05.230614/SĐBS-03 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình ngày 14/5/2019, số công chứng 2166; Cam kết thế chấp tài sản ngày 24/6/2014. Tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất số B 973333, số vào sổ cấp GCN: 03672 QSDĐ/77QĐ-UB do UBND thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/5/1993.

Bị đơn cũng thừa nhận trường hợp ông Võ C và bà Đinh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L để thanh toán khoản vay của ông bà ở trên. Bị đơn cũng nhất trí với kết quả thẩm định, xem xét tại chỗ, định giá tài sản thửa đất thế chấp nêu trên của Hội đồng thẩm định, định giá lập ngày 21/6/2022; hiện gia đình bị đơn đang sinh sống ổn định tại thửa đất này, không tranh chấp với ai.

Xét Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Do đó, đối với yêu cầu của Nguyên đơn về trường hợp ông Võ C và bà Đinh Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên, A được quyền chủ động hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp nói trên để thanh toán cho nghĩa vụ của ông ông

Võ C và bà Đinh Thị L đối với A để ngân hàng thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí thẩm định:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn - ông Võ C và bà Đinh Thị L thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C (gọi A) số tiền tạm ứng án phí 13.060.500 đồng (bằng chữ: Mười ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/ 0001111 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Cần buộc bị đơn ông Võ C và bà Đinh Thị L hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà A đã nộp tạm ứng chi phí.

[4] Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 165; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 116, 119, 317, 318, 320, 323, 385, 398, 401, 466 Bộ luật dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A):

1.1 Buộc ông Võ C và bà Đinh Thị L trả ngay cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 19/9/2022 là 278.931.543 đồng, trong đó: vốn gốc 177.076.000 đồng, lãi trong hạn 26.270.101 đồng, lãi quá hạn 75.585.442 đồng theo hợp đồng tín dụng tại Khế ước nhận nợ 201866339 ngày 07/8/2015; 210695769 ngày 29/01/2016; 224835089 ngày 10/10/2016; 249409029 ngày 07/11/2017; cùng Thẻ tín dụng số 9704 xxxx xxxx 2091 ngày cấp 16/5/2019; 3567 xxxx xxxx 0715 (Số cũ: 3567 xxxx xxxx 9493) ngày cấp 21/11/2018 (Cấp lần đầu ngày 07/11/2017); 9704 xxxx

xxxx 9726 ngày cấp 09/10/2018.

1.2 Từ ngày 20/9/2022 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng ông Võ C và bà Đinh Thị L còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

1.3 Nếu ông Võ C và bà Đinh Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **327**, tờ bản đồ số **01**, địa chỉ: phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ C và bà Đinh Thị L.

1.4 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phạt chậm trả lãi số tiền 1.522.197 đồng của nguyên đơn.

2. Án phí và chi phí thẩm định xem xét tại chỗ:

2.1 Bị đơn - ông Võ C và bà Đinh Thị L thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A) số tiền tạm ứng án phí 13.060.500 đồng (bằng chữ: Mười ba triệu, không trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0001111 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2.3 Về chi phí thẩm định tại chỗ: Buộc Bị đơn ông Võ C và bà Đinh Thị L hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (gọi tắt A).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2022);

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

